

BÌNH LUẬN CHƯƠNG 1 DỰ THẢO LUẬT DẪN ĐỘ

PGS. TS. NGÔ HỮU PHƯỚC

Khoa Luật Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

Thông tin bài viết:

Từ khóa: Dẫn độ; hợp tác tư pháp quốc tế; cải cách tư pháp; điều ước quốc tế.

Lịch sử bài viết:

Nhận bài : 09/11/2025

Hoàn thành phản biện: 19/11/2025

Duyệt đăng : 20/11/2025

Tóm tắt:

Bài viết này phân tích và bình luận các nội dung cốt lõi của Chương I Dự thảo Luật Dẫn độ, gồm: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ, nguyên tắc dẫn độ, các trường hợp có thể bị dẫn độ và hình phạt tử hình. Thông qua việc so sánh các quy định của Dự thảo với pháp luật trong nước hiện hành, điều ước quốc tế và kinh nghiệm lập pháp của một số quốc gia, bài viết làm rõ những điểm tiến bộ, chỉ ra khoảng trống và sự thiếu thống nhất, đồng thời kiến nghị một số giải pháp hoàn thiện Chương I Dự thảo Luật Dẫn độ. Những kết quả nghiên cứu này góp phần vào việc xây dựng một đạo luật về dẫn độ hiện đại, đồng bộ, phù hợp với chuẩn mực quốc tế và thực tiễn pháp lý của Việt Nam.

Article Information:

Keywords: Extradition; international judicial cooperation; judicial reform; international treaty.

Article History:

Received : 09 Nov. 2025

Review completed : 19 Nov. 2025

Approved : 20 Nov. 2025

Abstract:

This article analyzes and comments on the core contents of Chapter I of the Draft Law on Extradition, including its scope of regulation, subjects of application, interpretation of terms, principles of extradition, extraditable offenses, and the death penalty. Through a comparison of the draft's provisions with current Vietnamese law, relevant international treaties, and legislative practices of selected countries, the article highlights progressive aspects, identifies existing gaps and inconsistencies, and proposes recommendations for improving Chapter I of the Draft Law. The research findings contribute to the development of a modern, coherent, and internationally harmonized extradition law that aligns with both international standards and Vietnam's legal practice.

1. Dẫn nhập

Dẫn độ là một cơ chế truyền thống trong hợp tác tư pháp quốc tế, đóng vai trò quan trọng trong việc đấu tranh chống tội phạm xuyên quốc gia và bảo đảm thực thi công lý hiệu quả. Tại Việt Nam, khuôn khổ pháp lý hiện hành về dẫn độ đang được quy định rải rác trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau, chủ yếu là Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 (Luật TTTP) và các điều ước quốc tế (ĐUQT), dẫn đến nhiều bất cập trong thực

tiễn áp dụng. Vì vậy, việc xây dựng một Luật Dẫn độ chuyên biệt là hết sức cần thiết nhằm thiết lập một khuôn khổ pháp lý thống nhất, chuyên sâu, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế.

Dự thảo Luật Dẫn độ (Dự thảo)¹ thể hiện nỗ lực rất lớn trong việc hệ thống hóa, pháp điển hóa nhằm hoàn thiện khung pháp lý về dẫn độ của Việt Nam, đáp ứng yêu cầu hợp tác quốc tế ngày càng gia tăng trong đấu tranh phòng, chống tội phạm xuyên quốc

¹ Dự thảo được Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV thảo luận tại phiên họp thứ 48.

gia; là nhu cầu cấp thiết để khắc phục sự phân tán trong Luật TTTP và cụ thể hóa để thực hiện hợp tác dẫn độ giữa Việt Nam với nước ngoài.

Trong Dự thảo, Chương I. Những quy định chung đóng vai trò nền tảng, quy định khung pháp lý cơ bản, chi phối toàn bộ nội dung còn lại của đạo luật quan trọng này. Với 17 điều, Chương I quy định những vấn đề có tính nguyên tắc, bao gồm: Phạm vi điều chỉnh (Điều 1); Đối tượng áp dụng (Điều 2); Giải thích từ ngữ (Điều 3); Nguyên tắc dẫn độ (Điều 4); Áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong dẫn độ (Điều 5); Các trường hợp có thể bị dẫn độ (Điều 6); Hình thức văn bản và cách thức chuyển hồ sơ yêu cầu dẫn độ (Điều 7); Ngôn ngữ trong dẫn độ (Điều 8); Miễn hợp pháp hóa lãnh sự (Điều 9); Chi phí thực hiện yêu cầu dẫn độ (Điều 10); Kinh phí bảo đảm công tác dẫn độ (Điều 11); Dẫn độ có điều kiện (Điều 12); Thông báo liên quan đến hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ (Điều 13); Không truy cứu trách nhiệm hình sự, không thi hành án đối với người bị dẫn độ ngoài tội phạm được nêu trong yêu cầu dẫn độ; không dẫn độ cho nước thứ ba (Điều 14); Quá cảnh người bị dẫn độ (Điều 15); Cơ quan trung ương của Việt Nam về dẫn độ (Điều 16) và Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước về dẫn độ (Điều 17).

Về cơ bản, Chương I Dự thảo đã được xây dựng tiệm cận với “khuôn mẫu” pháp

luật của các quốc gia trong khu vực châu Á và thế giới như Luật Dẫn độ của Nhật Bản năm 1953², Thái Lan 2008³, Trung Quốc năm 2000⁴, Vương quốc Anh năm 2003⁵, Canada năm 1999⁶... Chương 1 đóng vai trò là “xương sống”, nền tảng chi phối việc giải thích và áp dụng toàn bộ đạo luật này với tinh thần kế thừa thành quả lập pháp, vừa thể hiện định hướng hội nhập quốc tế trong lĩnh vực dẫn độ của Việt Nam trong tương lai.

2. Bình luận

2.1. Về phạm vi điều chỉnh

Một là, Điều 1 Dự thảo đã quy định toàn diện về nguyên tắc, thẩm quyền, điều kiện, trình tự, thủ tục dẫn độ, là cơ sở pháp lý vững chắc cho toàn bộ cơ chế hợp tác dẫn độ giữa Việt Nam với nước ngoài. Tuy nhiên, theo chúng tôi, cần diễn đạt rõ hơn, bao quát hơn bằng cách thay cụm từ “*thủ tục thực hiện dẫn độ giữa Việt Nam với nước ngoài*” bằng cụm từ “*thủ tục tiếp nhận, chuyển giao yêu cầu, hồ sơ và thực hiện dẫn độ giữa Việt Nam với nước ngoài*”. Bởi lẽ, hợp tác dẫn độ trên thực tiễn bao gồm hai khía cạnh: (i) Việt Nam là “Bên yêu cầu” nước ngoài dẫn độ; (ii) Việt Nam là Bên được nước ngoài yêu cầu dẫn độ. Do vậy, cần quy định rõ cả việc tiếp nhận và chuyển giao yêu cầu, hồ sơ dẫn độ. Từ phân tích trên, chúng tôi đề xuất nội dung Điều 1 thành khoản 1 Điều 1 mới như sau: “*Luật này quy định nguyên tắc, thẩm quyền, điều kiện, trình tự, thủ tục tiếp*

² Xem toàn văn Luật Dẫn độ của Nhật Bản tại địa chỉ website: https://www.japaneselawtranslation.go.jp/en/laws/view/4044/en?utm_source=chatgpt.com, truy cập ngày 22/9/2025.

³ Xem toàn văn Luật Dẫn độ của Thái Lan tại địa chỉ website: https://sherloc.unodc.org/cld/uploads/res/document/tha_2008/extradition_act_b_e_2472_html/Thai_Extradition_Act_Eng_Final_2551_R09-19.pdf?utm_source=chatgpt.com, truy cập ngày 22/9/2025.

⁴ Xem toàn văn Luật Dẫn độ của Trung Quốc tại địa chỉ website: <https://www.asianlii.org/cn/legis/cen/laws/el161/>, truy cập ngày 22/9/2025.

⁵ Xem toàn văn Luật Dẫn độ của Vương quốc Anh tại địa chỉ website: https://www.legislation.gov.uk/ukpga/2003/41/contents?utm_source=chatgpt.com, truy cập ngày 22/9/2025.

⁶ Xem toàn văn Luật Dẫn độ của Canada tại địa chỉ website: https://laws-lois.justice.gc.ca/eng/acts/e-23.01/page-1.html?utm_source=chatgpt.com, truy cập ngày 22/9/2025.

nhận, chuyển giao yêu cầu, hồ sơ và thực hiện dẫn độ giữa Việt Nam với nước ngoài và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước của Việt Nam trong dẫn độ”.

Hai là, Dự thảo cần có quy định làm rõ mối quan hệ giữa Luật Dẫn độ với Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) và Luật Thi hành án hình sự (THAHS) để tránh chồng chéo, mâu thuẫn trong quá trình thực hiện. Bởi lẽ, hoạt động dẫn độ bao gồm nhiều quy định liên quan đến BLTTHS mà Dự thảo đã ghi nhận tại điểm c, điểm d khoản 3 Điều 29 (Phiên họp xem xét yêu cầu dẫn độ), trình tự, thủ tục phiên họp có sự tham gia của kiểm sát viên, luật sư, người bị dẫn độ, áp dụng nguyên tắc của BLTTHS; khoản 4 Điều 30 về giám đốc thẩm, tái thẩm, dẫn chiếu Điều 370 và 397 BLTTHS; Điều 32 về các biện pháp ngăn chặn để dẫn độ đã quy định rõ: “... áp dụng các biện pháp ngăn chặn theo quy định tại BLTTHS”; Điều 33. Trình tự, thủ tục bắt người trong trường hợp khẩn cấp để dẫn độ dẫn chiếu Điều 113 BLTTHS về bắt khẩn cấp; khoản 2 Điều 35 về thi hành quyết định dẫn độ nêu rõ: “... bắt người bị dẫn độ theo quy định tại Điều 113 BLTTHS”; khoản 1 Điều 36 về chuyển giao người bị dẫn độ quy định việc áp giải người bị dẫn độ “*thực hiện theo quy định của BLTTHS*”; khoản 1, khoản 2 Điều 42 về xử lý trường hợp từ chối dẫn độ công dân Việt Nam liên quan đến việc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc công nhận, thi hành bản án nước ngoài theo BLTTHS. Đồng thời, một số quy định liên quan đến Luật THAHS tại Điều 38 (Hoãn dẫn độ và tiếp tục thi hành quyết định dẫn độ, người bị dẫn độ đang chấp hành hình phạt sẽ xử lý theo quy định Luật THAHS); khoản 2 Điều 42 về trường hợp từ chối dẫn độ công dân Việt Nam để thi hành án thì có thể xem xét “*công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án hình sự của Tòa án nước ngoài*”

theo Luật THAHS (cùng Bộ luật Hình sự và BLTTHS). Chính vì vậy, nếu không có một khoản quy định “mối quan hệ” trong áp dụng Luật Dẫn độ, BLTTHS và Luật THAHS có thể dẫn đến xung đột hoặc lúng túng khi áp dụng. Kinh nghiệm quốc tế như Liên bang Đức (Luật Hợp tác tư pháp quốc tế năm 2004) và Cộng hoà Pháp (BLTTHS) đều quy định, Luật Dẫn độ là luật chuyên ngành, ưu tiên áp dụng khi có sự khác biệt so với Luật Tố tụng hình sự chung.

Từ hai đề xuất nói trên, chúng tôi kiến nghị xây dựng Điều 1 mới gồm 02 khoản, với nội dung:

“1. Luật này quy định nguyên tắc, thẩm quyền, điều kiện, trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao yêu cầu, hồ sơ và thực hiện dẫn độ giữa Việt Nam với nước ngoài và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước của Việt Nam trong dẫn độ.

2. Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của Luật này với Bộ luật Tố tụng hình sự và Luật Thi hành án hình sự về trình tự, thủ tục dẫn độ thì áp dụng quy định của Luật này.”

2.2. Về đối tượng áp dụng

Điều 2 Dự thảo đã xác định, Luật Dẫn độ áp dụng cho cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài. Về cơ bản, Dự thảo đã xác định rõ và phù hợp với bản chất và thực tiễn của hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực dẫn độ, theo luật và thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, theo chúng tôi về thứ hai của Điều 2 “*cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến dẫn độ giữa Việt Nam với nước ngoài*” cần chỉnh sửa theo hướng, bổ sung cụm từ “*yêu cầu Việt Nam dẫn độ*”. Bởi lẽ, quy định phạm vi áp dụng của Luật gồm “... *cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến dẫn độ giữa Việt Nam với nước ngoài*”

chỉ phù hợp khi Việt Nam là Bên được yêu cầu dẫn độ. Ngược lại, nếu Việt Nam là Bên yêu cầu dẫn độ thì chúng ta không thể “buộc” Bên nước ngoài phải tuân thủ Luật Dẫn độ của Việt Nam mà phải tuân thủ pháp luật của Bên được yêu cầu dẫn độ vì trong quan hệ quốc tế, các quốc gia bình đẳng về chủ quyền. Từ phân tích ở trên, chúng tôi đề xuất chỉnh sửa Điều 2 Dự thảo với nội dung “*Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam; cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài yêu cầu Việt Nam dẫn độ*”.

2.3. Về giải thích từ ngữ

Điều 3 Dự thảo đã giải thích thuật ngữ “*dẫn độ*” và thuật ngữ “*người bị yêu cầu dẫn độ*”. Các giải thích này là khoa học, rõ ràng, phù hợp với pháp luật và thông lệ quốc tế, đặc biệt là thuật ngữ “*Người bị yêu cầu dẫn độ*” được giải thích dựa trên tinh thần của nguyên tắc tội phạm “*tội phạm kép*” (double criminality), hành vi của người bị yêu cầu dẫn độ theo pháp luật của Bên yêu cầu và Bên được yêu cầu dẫn độ cùng quy định “*hành vi đó cấu thành tội phạm*”.

Tội phạm kép là nguyên tắc được thừa nhận rộng rãi và được quy định trong pháp luật dẫn độ của các quốc gia và trong các ĐUQT về tương trợ tư pháp hình sự, dẫn độ như: Công ước của châu Âu về dẫn độ năm 1957 (khoản 1 Điều 2); Hiệp định dẫn độ giữa Pháp và Uruguay năm 2005 (khoản 1 Điều 2); Hiệp định dẫn độ giữa Pháp và Ấn Độ năm 2003 (khoản 2 Điều 2); Hiệp định dẫn độ giữa Pháp và Đại Hàn Dân Quốc năm 2006 (Điều 2); Hiệp định dẫn độ giữa Pháp và Canada năm 1988 (khoản 2 Điều 2)... Nguyên tắc này cũng được ghi nhận trong các hiệp định tương trợ tư pháp (HĐTTTP) có quy định về dẫn độ và các Hiệp định dẫn độ mà Việt Nam đã ký kết với các quốc gia từ trước đến nay.

Mặc dù được diễn đạt theo nhiều ngôn ngữ và cách thức khác nhau nhưng nội dung cơ bản của nguyên tắc này là, các nước sẽ hợp tác dẫn độ cho nhau nếu hành vi mà người bị yêu cầu dẫn độ đã thực hiện theo pháp luật hình sự của Bên yêu cầu và Bên được yêu cầu đều coi là tội phạm. Tội phạm kép là điều kiện cơ bản để Tòa án và các cơ quan có thẩm quyền của Bên được yêu cầu xem xét, quyết định dẫn độ hoặc từ chối dẫn độ cho Bên yêu cầu. Do vậy, nếu hành vi mà người bị yêu cầu dẫn độ đã thực hiện theo pháp luật hình sự của Bên yêu cầu coi là tội phạm nhưng pháp luật hình sự của Bên được yêu cầu không coi là tội phạm thì Bên được yêu cầu sẽ không xem xét hoặc sẽ từ chối dẫn độ cho Bên yêu cầu.

Trong thực tiễn, khi ký kết các ĐUQT về dẫn độ, các quốc gia thường thỏa thuận và trong Luật Dẫn độ của quốc gia thường quy định, hành vi mà người bị yêu cầu dẫn độ đã thực hiện không nhất thiết phải thuộc cùng một nhóm tội hoặc cùng một tội danh, các yếu tố cấu thành tội phạm không nhất thiết phải giống nhau theo quy định của pháp luật của Bên yêu cầu và Bên được yêu cầu. Tuy nhiên, hiện nay các quốc gia đang có xu hướng “*nới lỏng*” nguyên tắc tội phạm kép đối với một số tội phạm liên quan đến thuế, thuế hải quan, kiểm soát ngoại hối. Ví dụ, Hiệp định dẫn độ giữa Việt Nam và Đại Hàn Dân Quốc năm 2003 quy định: “*Trong trường hợp yêu cầu dẫn độ một người có liên quan đến một tội về thuế, thuế hải quan, kiểm soát ngoại hối hoặc các vấn đề về thu nhập khác, thì Bên được yêu cầu không được từ chối dẫn độ với lý do là pháp luật của Bên đó không quy định hoặc áp dụng cùng loại thuế, thuế hải quan đó hoặc không có quy chế ngoại hối tương tự như pháp luật của Bên được yêu cầu*”. Hiệp định dẫn độ giữa Việt Nam và Ấn Độ năm 2011 (khoản 5 Điều 2),

Việt Nam và Ô-xtrây-li-a năm 2012 (khoản 4 Điều 2), Hiệp định dẫn độ giữa Mỹ và Đại Hàn Dân Quốc năm 1998 (khoản 4 Điều 2) cũng có quy định tương tự.

Tuy nhiên, chúng tôi kiến nghị Dự thảo cần giải thích nhằm làm rõ nội hàm của thuật ngữ “*nước ngoài*”. Về phương diện pháp luật quốc tế, “*nước ngoài*” là một thực thể có tư cách pháp lý quốc tế độc lập với quốc gia đang xét, được cộng đồng quốc tế công nhận là chủ thể của Luật Quốc tế. Trong thực tiễn hợp tác dẫn độ, “*nước ngoài*” bao gồm quốc gia và các “vùng lãnh thổ”, chủ thể đặc biệt của Luật Quốc tế, có hệ thống pháp luật riêng như Hồng Kông, Ma Cao, Đài Loan. Do vậy, nếu Luật Dẫn độ không có điều khoản giải thích thuật ngữ “*nước ngoài*” thì có thể gây mơ hồ khi Việt Nam có nhu cầu hợp tác dẫn độ với các vùng lãnh thổ đặc biệt này. Từ phân tích ở trên chúng tôi đề xuất bổ sung một khoản vào Điều 3 để giải thích thuật ngữ “*nước ngoài*” với nội dung: “*Nước ngoài trong Luật này bao gồm quốc gia, vùng lãnh thổ được công nhận là chủ thể của Luật Quốc tế*”.

Đồng thời, chúng tôi cho rằng, cần thay cụm từ “*người bị kết án hình sự*” và “*kết án hình sự*” tại Điều 3 Dự thảo bằng cụm từ “*người bị kết án*” và “*kết án*”. Bởi lẽ, “*người bị kết án*” và “*kết án*” luôn luôn và phải là bằng bản án hình sự nên quy định “*người bị kết án hình sự*” và “*kết án hình sự*” là thừa và không cần thiết.

2.4. Về nguyên tắc dẫn độ và nguyên tắc có đi có lại

Về cơ bản, Điều 4 Dự thảo đã quy định đầy đủ các nguyên tắc dẫn độ bao gồm: (i) Nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ; (ii) Nguyên tắc không can

thiệp vào công việc nội bộ của nhau; (iii) Nguyên tắc bình đẳng và các bên cùng có lợi; (iv) Nguyên tắc phù hợp với Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và ĐUQT mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và (v) Nguyên tắc có đi có lại. Theo chúng tôi, quy định 5 nguyên tắc này trong Luật Dẫn độ là cần thiết, thể hiện sự kết hợp hài hòa giữa bảo vệ chủ quyền quốc gia và hợp tác quốc tế; phản ánh bản chất đối ngoại độc lập, tự chủ, tôn trọng luật pháp và thông lệ quốc tế của Việt Nam với các quốc gia và các chủ thể khác của pháp luật quốc tế trong lĩnh vực dẫn độ. Trong đó, “*có đi có lại-Reciprocity*” là nguyên tắc phổ biến trong Luật Quốc tế về dẫn độ và được quy định trong Luật Dẫn độ của nhiều quốc gia trên thế giới. Ghi nhận nguyên tắc này sẽ cho phép Việt Nam thực hiện hợp tác dẫn độ trên cơ sở thỏa thuận cụ thể hoặc cam kết tương hỗ, kể cả khi hai Bên không có ĐUQT về dẫn độ; bảo đảm tính linh hoạt nhưng vẫn duy trì tính pháp quyền và chủ quyền quốc gia.

Trong thực tiễn, nguyên tắc “*có đi có lại*” được quy định phổ biến trong ĐUQT song phương và đa phương, điển hình như: Công ước của châu Âu về dẫn độ năm 1957 (Điều 1); Hiệp định dẫn độ giữa Pháp và Canada năm 1988 (Điều 1); Hiệp định dẫn độ giữa Argentina và Paraguay năm 1996 (Điều 1); Hiệp định dẫn độ giữa Canada và Italia năm 1981 (Điều 1); Hiệp ước dẫn độ giữa Thụy Sĩ và Pháp năm 1869 (Lời nói đầu)... và trong pháp luật dẫn độ của hầu hết các quốc gia như: Vương quốc Bỉ, Bungary, Croatie, Cộng hòa Síp, Cộng hòa Séc, Đan Mạch, Estonie, Phần Lan, Pháp, Đức, Hy Lạp, Hung-ga-ri, Ireland, Israel, Italia, Lettonie, Luxembourg, Hà Lan, Na Uy, Ba Lan, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Liên bang Nga, Slô-va-kia,

⁷⁾ Thuật ngữ “*Bên ký kết nước ngoài*” đã được giải thích tại khoản 3 Điều 2 Luật Điều ước quốc tế năm 2016 là “... *quốc gia, tổ chức quốc tế hoặc chủ thể khác được công nhận là chủ thể của pháp luật quốc tế*”.

Thụy Điển, Thụy Sĩ, Thổ Nhĩ Kỳ, Vương quốc Anh⁸... Đồng thời, “có đi có lại” là nguyên tắc được áp dụng phổ biến trong thực tiễn dẫn độ giữa các quốc gia khi hai Bên không có ĐUQT song phương về dẫn độ nếu yêu cầu dẫn độ không trái với ĐUQT và pháp luật quốc gia về dẫn độ. Áp dụng nguyên tắc này, Bên được yêu cầu sẽ dẫn độ cho Bên yêu cầu với bảo đảm rằng, Bên yêu cầu cũng sẽ dẫn độ cho Bên được yêu cầu trong tương lai nếu được yêu cầu.

Nguyên tắc có đi có lại có vai trò đặc biệt quan trọng trong tất cả các lĩnh vực của quan hệ quốc tế nói chung và hợp tác quốc tế về dẫn độ nói riêng. Thừa nhận và áp dụng nguyên tắc này trong hợp tác dẫn độ sẽ giúp các quốc gia thực hiện có hiệu quả quyền tài phán hình sự đối với người phạm tội đang lẩn trốn ở nước ngoài, kể cả trong trường hợp giữa nước yêu cầu và nước được yêu cầu không có cơ sở pháp lý quốc tế để dẫn độ. Do vậy, tiếp tục kế thừa, ghi nhận và cụ thể hóa nguyên tắc “có đi có lại” trong Dự thảo là cần thiết, phù hợp với thông lệ quốc tế⁹, giúp Việt Nam chủ động hơn trong hợp tác dẫn độ với các quốc gia, vùng lãnh thổ chưa có ĐUQT về dẫn độ. Hiện Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 194 quốc gia nhưng đến thời điểm hiện tại (tháng 10/2025)

Việt Nam chỉ là thành viên của 22 ĐUQT đa phương, 10 HĐTTTP song phương có quy định về dẫn độ và 20 hiệp định dẫn độ song phương. Đồng thời, việc quy định chặt chẽ các điều kiện áp dụng nguyên tắc có đi có lại, bao gồm cam kết bằng văn bản, giúp giảm thiểu rủi ro pháp lý và bảo đảm sự bình đẳng.

Mặt khác, chúng tôi cho rằng, việc Dự thảo giao thẩm quyền quyết định áp dụng nguyên tắc có đi có lại cho Bộ Công an là cần thiết, có tính linh hoạt cao. Tuy nhiên, để tăng cường tính minh bạch và giám sát, Dự thảo cần cân nhắc bổ sung cơ chế phối hợp hoặc tham vấn bắt buộc với Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong mọi trường hợp, thay vì chỉ “trong trường hợp cần thiết”. Bởi lẽ, việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại không chỉ đơn thuần là xử lý trường hợp giữa Bên yêu cầu và Việt Nam chưa có ĐUQT về dẫn độ mà cao hơn, quan trọng hơn là quyết định một vấn đề liên quan đến quyền con người, cụ thể là quyền con người của người bị yêu cầu dẫn độ. Do vậy, không nên trao thẩm quyền đặc biệt quan trọng này duy nhất cho Bộ Công an mà cần chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đến hợp tác dẫn độ nhằm bảo đảm tính pháp lý, minh bạch trong áp dụng pháp luật.

⁸) Le Comité européen pour les problèmes criminels, Comité d'experts sur le fonctionnement des Conventions européennes dans le domaine pénal, Convention Européenne d'extradition - *GUIDE DES PROCEDURES*. Tham khảo tại địa chỉ website của Hội đồng Châu Âu: [http://www.coe.int/t/dghl/standardsetting/pc-oc/Standards_extradition_en_files/OC_INF_04\(fr\).pdf](http://www.coe.int/t/dghl/standardsetting/pc-oc/Standards_extradition_en_files/OC_INF_04(fr).pdf).

⁹) Luật Dẫn độ của Thái Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc đều ghi nhận nguyên tắc này. Cụ thể, Luật Dẫn độ của Trung Quốc (*Extradition Law of the People's Republic of China (2000)*) tại Điều 3: “The People's Republic of China cooperates with foreign states in extradition on the basis of equality and reciprocity”; Luật Dẫn độ của Thái Lan (*Extradition Act B.E. 2551 (2008)*), tại Section 9 quy định: “Trong trường hợp không có hiệp ước, Thái Lan có thể dẫn độ nếu nước yêu cầu cam kết bằng văn bản sẽ thực hiện nguyên tắc có đi có lại trong những trường hợp tương tự”; Luật Dẫn độ của Nhật Bản (*Extradition Law of Japan (1953, sửa đổi 2004)*), tại Điều 2(2) quy định: “Nếu không có hiệp ước dẫn độ, Nhật Bản có thể thực hiện dẫn độ dựa trên nguyên tắc có đi có lại với quốc gia yêu cầu”; Luật Dẫn độ của Hàn Quốc (*Extradition Act of Korea (1988, sửa đổi 2011)*), tại Điều 3 quy định: “Trong trường hợp không có hiệp ước, Hàn Quốc vẫn có thể dẫn độ “on the basis of reciprocity”. Xem Luật Dẫn độ của Hàn Quốc tại địa chỉ website: https://elaw.klri.re.kr/eng_mobile/viewer.do?hseq=56109&key=9&type=sogan&utm_source=chatgpt.com, truy cập ngày 22/9/2025.

Ngoài ra, chúng tôi kiến nghị đưa nguyên tắc “không dẫn độ công dân” và nguyên tắc “không dẫn độ tội phạm chính trị” vào Điều 4. Bởi lẽ, “không dẫn độ công dân” là một trong những nguyên tắc quan trọng nhất của Luật Dẫn độ. Xuất phát từ chủ quyền quốc gia trong quan hệ quốc tế, nhằm mục đích bảo hộ công dân, pháp luật về dẫn độ của hầu hết các quốc gia trên thế giới đều quy định rõ, không dẫn độ công dân cho nước ngoài trong Hiến pháp như Ba Lan (khoản 1 Điều 55), Liên bang Nga (Điều 61), Cộng hòa Liên bang Đức (Điều 16), Italia (Điều 26), Lithuania (Điều 12), Slô-vê-nia (Điều 47)¹⁰...

Trong hệ thống pháp luật quốc tế, nguyên tắc không dẫn độ công dân được thừa nhận rộng rãi và được quy định phổ biến trong các ĐUQT về tương trợ tư pháp hình sự và dẫn độ điển hình như: Công ước Dẫn độ của châu Âu năm 1957 (Điều 6); Hiệp ước dẫn độ giữa Pháp và Mỹ năm 1996 (Điều 3); Hiệp ước dẫn độ giữa Pháp và Uruguay năm 2000 (khoản 1 Điều 1); Hiệp ước dẫn độ giữa Bỉ và Mỹ năm 1987 (khoản 1 Điều 3); Hiệp định dẫn độ giữa Việt Nam và Đại Hàn Dân Quốc năm 2003 (khoản 1 Điều 6); Hiệp định dẫn độ giữa Việt Nam và An-giê-ri năm 2010 (khoản 1 Điều 3); Hiệp định dẫn độ giữa Việt Nam và Ấn Độ năm 2011 (khoản 1 Điều 3); Hiệp định dẫn độ giữa Việt Nam và Ô-xtrây-li-a năm 2012 (khoản 1 Điều 4); Hiệp định dẫn độ giữa Việt Nam và Campuchia (khoản 1 Điều 4); Hiệp định dẫn độ giữa Việt Nam và Indonesia (khoản 1 Điều 4); Hiệp định dẫn độ giữa Việt Nam và Hungary (khoản 2 Điều 3); Hiệp định dẫn độ giữa Việt Nam và Xrilanca (khoản 1 Điều 3), Hiệp định dẫn độ giữa Việt Nam và Tây Ban Nha (điểm d Điều 3); Hiệp định dẫn độ giữa Việt Nam và Ba Lan năm 1993 (Điều 54)...

Mặc dù được thể hiện với nhiều ngôn ngữ và cách thức khác nhau nhưng nội dung cốt lõi của nguyên tắc này là Bên được yêu cầu sẽ từ chối dẫn độ công dân mình cho Bên yêu cầu. Theo quy định của ĐUQT và pháp luật của các quốc gia cũng như thực tiễn hợp tác dẫn độ, tư cách công dân của người bị yêu cầu dẫn độ được xác định tại thời điểm người này bị yêu cầu dẫn độ. Tuy nhiên, theo pháp luật của một số nước ở châu Âu, dẫn độ công dân cũng có thể được thực hiện nếu ĐUQT và pháp luật quốc gia cho phép, với điều kiện là Bên yêu cầu phải có những bảo đảm về pháp lý đối với người bị yêu cầu dẫn độ như: Cam kết không phân biệt đối xử; xét xử công bằng, khách quan đối với người bị dẫn độ; không áp dụng hình phạt tử hình hoặc không thi hành hình phạt tử hình đối với người bị dẫn độ... Cụ thể, Điều 26 Hiến pháp Italia quy định: “Dẫn độ công dân chỉ có thể được chấp nhận trong những trường hợp đã được dự liệu rõ ràng trong các ĐUQT”; Điều 16 khoản 2 Hiến pháp Cộng hòa Liên bang Đức quy định: “Không một công dân Đức nào có thể bị dẫn độ ra nước ngoài. Một nguyên tắc ngoại lệ có thể được áp dụng bởi Luật Dẫn độ để dẫn độ người đó cho một nước thành viên của Liên minh châu Âu hoặc một Tòa án quốc tế, trong chừng mực mà ở đó các nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền được bảo đảm”; Điều 13 Hiến pháp Cộng hòa Lithuania quy định: “Nghiêm cấm dẫn độ công dân cộng hòa Lithuania cho nước khác trừ khi một Công ước quốc tế mà Cộng hòa Lithuania là thành viên có quy định khác”; Điều 47 Hiến pháp Cộng hòa Slô-vê-nia quy định: “Không một công dân Slô-vê-nia nào có thể bị dẫn độ hoặc giao nộp, trừ khi dẫn độ hoặc giao nộp được quy định trong ĐUQT”; khoản 3 Điều 13 Hiến pháp Tây Ban Nha quy định: “Dẫn

¹⁰ Hiến pháp năm 2013 của Việt Nam không sử dụng thuật ngữ dẫn độ mà sử dụng thuật ngữ “giao nộp”, cụ thể: “Công dân Việt Nam không thể bị trục xuất, giao nộp cho nhà nước khác”.

độ công dân chỉ được thực hiện khi áp dụng một Hiệp ước hoặc nội luật, trên nền tảng của nguyên tắc có đi có lại”; khoản 2 Điều 2 Hiến pháp Hà Lan quy định: “Dẫn độ công dân chỉ có thể xảy ra khi căn cứ vào một Hiệp ước mà Hà Lan là thành viên có quy định”; khoản 3 Điều 27 Hiến pháp Bồ Đào Nha quy định: “Dẫn độ công dân Bồ Đào Nha chỉ được phép thực hiện trong những điều kiện có đi có lại được thiết lập bởi một ĐUQT, trong trường hợp khủng bố và tội phạm quốc tế có tổ chức, và ngay từ khi cơ quan tư pháp có thẩm quyền của quốc gia yêu cầu bảo đảm vụ việc sẽ được xét xử chính xác và công bằng”¹¹.

Theo chúng tôi, nếu các nước trên thế giới đều áp dụng triệt để nguyên tắc không dẫn độ công dân thì sẽ tạo ra kẽ hở trong đấu tranh phòng, chống tội phạm. Chính vì vậy, nhằm mục đích không để lọt tội phạm và giúp nước yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thi hành hình phạt đối với người phạm tội, hầu hết các ĐUQT song phương và đa phương về dẫn độ đều ghi nhận nguyên tắc “Aut dedere Aut judicare - Không dẫn độ thì truy tố”¹². Nguyên tắc này đã được Ủy ban Pháp luật quốc tế ghi nhận là “Nguyên tắc thẩm quyền tài phán phổ quát trong lĩnh vực hình sự”¹³. Ví dụ, Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia năm 2000 quy định: “Nếu quốc gia thành viên nơi mà bị can phạm một tội mà điều này áp dụng đang cư trú không dẫn độ người này với lý do người đó là công dân của mình thì khi nhận được yêu cầu của quốc gia thành viên muốn dẫn

độ sẽ phải chuyển ngay vụ việc này cho các cơ quan có thẩm quyền truy tố...” (khoản 10 Điều 16); và “Nếu một quốc gia từ chối dẫn độ để thi hành án với lý do người bị dẫn độ là công dân của mình thì quốc gia đó, theo đề nghị của quốc gia yêu cầu dẫn độ và phù hợp với các quy định của nội luật, sẽ xem xét việc thi hành toàn bộ hoặc một phần còn lại của hình phạt theo bản án của quốc gia yêu cầu” (khoản 12 Điều 16). Công ước về trừng trị khủng bố của châu Âu ngày 27/01/1977 cũng có quy định tương tự, theo đó: “Khi một nước ký kết đã nhận được yêu cầu dẫn độ một người bị tình nghi phạm tội đang có mặt và được tìm thấy trên lãnh thổ nước mình nếu không dẫn độ thì không chậm trễ phải giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tiến hành các thủ tục hình sự” (Điều 7).

Trong các Hiệp định dẫn độ mà Việt Nam đã ký kết với các quốc gia trên thế giới đều có quy định nguyên tắc này. Ví dụ, Hiệp định dẫn độ giữa Việt Nam và Đại Hàn Dân Quốc (Điều 6), Ấn Độ (Điều 6), An-giê-ri (Điều 3), Ô-xtrây-lia (Điều 4)... Áp dụng nguyên tắc này, nếu yêu cầu dẫn độ bị từ chối chỉ trên cơ sở quốc tịch của người bị dẫn độ thì theo đề nghị của Bên yêu cầu, Bên được yêu cầu sẽ đưa vụ án ra cơ quan có thẩm quyền để truy tố. Áp dụng nguyên tắc này, các quốc gia thành viên cam kết, tất cả các tội phạm đã được quy định trong các ĐUQT đều phải bị trừng phạt. Trong trường hợp Bên được yêu cầu từ chối dẫn độ với lý do người bị yêu cầu dẫn độ là công dân của mình thì nước này phải có nghĩa

¹¹ Le Comité européen pour les problèmes criminels, Comité d’experts sur le fonctionnement des Conventions européennes dans le domaine pénal, Convention Européenne d’extradition - *GUIDE DES PROCEDURES*. Tham khảo tại địa chỉ website của Hội đồng châu Âu : [http://www.coe.int/t/dghl/standardsetting/pc-oc/Standards_extradition_en_files/OC_INF_04\(fr\).pdf](http://www.coe.int/t/dghl/standardsetting/pc-oc/Standards_extradition_en_files/OC_INF_04(fr).pdf).

¹² Đây là thành ngữ tiếng Latin, được ghi nhận trong Luật La Mã cổ. Xem thêm: Hugo Grotius, *De Iure Belli ac Pacis*, livre II, chap. XXI, par. III et IV. Traduction française: *Le droit de la guerre et de la paix*, par Hugo Grotius, nouvelle traduction par Jean Barbeyrac, Amsterdam, Pierre de Coup, 1724, vol. I, p. 639 à 660.

¹³ Tiếng Pháp gọi là: Le principe de compétence universelle en matière pénal. Xem thêm các nội dung liên quan đến nguyên tắc này tại địa chỉ website: http://untreaty.un.org/ilc/documentation/french/a_cn4_599.pdf.

vụ truy tố người phạm tội theo quy định của pháp luật của quốc gia mình. Theo chúng tôi, các ĐUQT và pháp luật quốc gia về dẫn độ quy định ngoại lệ của nguyên tắc không dẫn độ công dân là một trong những giải pháp góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm triệt để và hiệu quả hơn.

Mặc dù, nguyên tắc không dẫn độ công dân đã được quy định tại Điều 41 (Từ chối dẫn độ), nhưng chúng tôi cho rằng, nếu nguyên tắc này được quy định tại Điều 4 (Nguyên tắc dẫn độ), với tư cách là một nguyên tắc nền tảng sẽ làm nổi bật và củng cố chính sách bảo hộ công dân của Việt Nam, phù hợp với Điều 17 Hiến pháp Việt Nam năm 2013.

Bên cạnh đó, “không dẫn độ tội phạm chính trị”, cũng là một nguyên tắc phổ biến trong luật quốc tế về dẫn độ. Mặc dù, Dự thảo có đề cập nguyên tắc này tại Điều 41 nhưng cần xem xét đưa vào Chương I như một phần của các nguyên tắc cơ bản để bảo đảm tính thống nhất, logic và định hướng chung cho toàn bộ đạo luật này.

Về phương diện lịch sử, Vương quốc Bỉ là nước đầu tiên quy định nguyên tắc không dẫn độ người phạm tội chính trị trong pháp luật quốc gia vào năm 1830. Trong các ĐUQT về dẫn độ, nguyên tắc này được ghi nhận lần đầu tiên trong Hiệp ước dẫn độ giữa Pháp và Thụy Sĩ ngày 30/12/1832¹⁴ và sau đó là Hiệp ước dẫn độ giữa Vương quốc Bỉ và Tây Ban Nha ngày 17/6/1870, Hiệp ước dẫn độ giữa Pháp và Bỉ ngày 15/8/1874, Hiệp ước dẫn độ giữa Bỉ và Đan Mạch ngày 25/3/1876... Nguyên tắc không dẫn độ người phạm tội chính trị cũng đã được Viện Luật Quốc tế La Haye ghi nhận là một nguyên tắc của luật quốc tế về dẫn độ từ năm 1880¹⁵.

Ngày nay, nguyên tắc không dẫn độ người phạm tội chính trị là một nguyên tắc được ghi nhận phổ biến trong các ĐUQT về dẫn độ được ký kết giữa các quốc gia hoặc trong khuôn khổ các tổ chức quốc tế như: Công ước của châu Âu về dẫn độ năm 1957 (khoản 1 Điều 3); Hiệp định Mẫu về dẫn độ của Liên hợp quốc năm 1990 (Mục a Điều 3).

Trong số các HĐTTTP và Hiệp định dẫn độ mà Việt Nam đã ký kết với các quốc gia từ trước đến nay, 04 Hiệp định có điều khoản quy định, việc dẫn độ sẽ bị từ chối nếu Bên được yêu cầu coi tội phạm mà người bị yêu cầu dẫn độ đã thực hiện là tội phạm chính trị gồm: HĐTTTP giữa Việt Nam và Bê-la-rút-xia năm 2000 (khoản 5 Điều 71); các Hiệp định dẫn độ giữa Việt Nam với các nước đều quy định nguyên tắc này như: Hiệp định dẫn độ Việt Nam và Đại Hàn Dân Quốc năm 2003 (điểm a khoản 1 Điều 3); Hiệp định dẫn độ giữa Việt Nam và An-giê-ri năm 2010 (khoản 5 Điều 4); Hiệp định dẫn độ giữa Việt Nam và Ô-xtrây-li-a năm 2012 (điểm a khoản 2 Điều 3); Hiệp định dẫn độ giữa Việt Nam và Campuchia (điểm a khoản 1 Điều 3)...

Các quy định về dẫn độ trong Luật TTTP năm 2007 không sử dụng thuật ngữ “*tội phạm chính trị*” hay “*tội phạm liên quan đến chính trị*” mà sử dụng thuật ngữ “*quan điểm chính trị*”. Theo đó, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sẽ từ chối dẫn độ nếu “... d) Người bị yêu cầu dẫn độ là người đang cư trú ở Việt Nam vì lí do có khả năng bị truy bức ở quốc gia yêu cầu dẫn độ do có sự phân biệt về chủng tộc, tôn giáo, quốc tịch, dân tộc, thành phần xã hội hoặc quan điểm chính trị” (điểm d khoản 1 Điều 35 Luật

¹⁴ Có quan điểm cho rằng, nguyên tắc này được ghi nhận lần đầu tiên trong Hiệp định dẫn độ giữa Pháp và Bỉ năm 1834. Xem: Nguyễn Ngọc Anh, Nguyễn Việt Hòa, Phạm Văn Công, *Dẫn độ - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Công an nhân dân, tr. 30.

¹⁵ Académie de droit international- Recueil des cours (1923), Tom 1 de la Collection, Librairie Hachette 79, Boulevard Saint Germain, Paris 1925. page 199-206.

TTTTP).

Qua nghiên cứu ĐUQT và pháp luật quốc gia về dẫn độ chúng tôi cho rằng, tuy được diễn đạt dưới nhiều ngôn ngữ và cách thức khác nhau, song nội dung cốt lõi của nguyên tắc không dẫn độ người phạm tội chính trị là nước được yêu cầu sẽ từ chối dẫn độ những người đã thực hiện hành vi phạm tội mà hành vi đó theo pháp luật hình sự của nước được yêu cầu xác định là tội phạm chính trị hoặc tội phạm liên quan đến chính trị. Dấu hiệu cơ bản để nhận dạng và phân biệt “tội phạm chính trị”, “tội phạm liên quan đến chính trị” với các tội phạm khác chính là khách thể của tội phạm chính trị phải là “chế độ chính trị và sự tồn tại của một nhà nước”. Do vậy, những tội phạm xâm hại đến chế độ kinh tế, văn hóa; trật tự, an toàn xã hội; quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức; tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tự do, tài sản, các quyền, lợi ích hợp pháp khác của công dân sẽ không được coi là tội phạm chính trị.

Thực tiễn vận dụng nguyên tắc này để từ chối dẫn độ trong một số trường hợp cũng đã gây ra nhiều tranh cãi giữa Bên yêu cầu và Bên được yêu cầu mà vụ việc Thái Lan từ chối dẫn độ Lý Văn Tống (Lý Tống), kẻ đã thực hiện hành vi khủng bố tại Việt Nam năm 2000 đã cho thấy tính phức tạp của nó. Ngày 07/11/2000, Lý Tống đã cướp một máy bay của Thái Lan, bay sang Việt Nam rải truyền đơn tại TP. Hồ Chí Minh có nội dung kích động, chống phá Nhà nước Việt Nam. Khi trở về Thái Lan, Lý Tống đã bị bắt giữ và bị truy tố với tội danh cướp máy bay theo Luật Hình sự Thái Lan. Ngày 25/2/2003, Tòa án Thái Lan đã tuyên phạt Lý Tống 7 năm 4 tháng tù về tội cướp máy bay. Tháng 12/2004,

Việt Nam đã chính thức yêu cầu Thái Lan dẫn độ Lý Tống về Việt Nam. Ngày 7/9/2006, Tòa hình sự Bangkok đã quyết định dẫn độ Lý Tống cho Việt Nam. Sau đó, Lý Tống đã kháng cáo và ngày 3/4/2008, Tòa Phúc thẩm Tòa hình sự Bangkok kết luận, hành vi của Lý Tống đã thực hiện ở Việt Nam mang tính chất chính trị, không đe dọa an ninh của Việt Nam. Căn cứ Điều 2472 Luật Dẫn độ Thái Lan năm 1929 (Thái Lan sẽ không dẫn độ “người phạm tội chính trị” cho nước ngoài), Tòa Phúc thẩm, Tòa án hình sự Bangkok đã ra quyết định không dẫn độ Lý Tống cho Việt Nam¹⁶.

Vụ việc thứ hai, Campuchia đã từ chối dẫn độ cựu Thủ tướng Thaksin Shinawatra cho Thái Lan. Ngày 24/12/2009 Thái Lan đã yêu cầu Campuchia dẫn độ ông Thaksin Shinawatra về Thái Lan để truy tố và xét xử về các hành vi tham nhũng khi còn đương chức nhưng Campuchia đã từ chối với lý do, “*Thaksin Shinawatra là một nạn nhân chính trị*”.

Qua hai vụ việc trên, chúng tôi cho rằng, quy định và giải thích về tội phạm chính trị hoặc tội phạm liên quan đến chính trị hoàn toàn phụ thuộc vào quan điểm chính trị, pháp lý của mỗi quốc gia, đặc biệt là quốc gia được yêu cầu. Chính vì vậy, thực tiễn dẫn độ giữa các nước đã gây ra nhiều tranh cãi ngoại giao liên quan đến việc xác định tội phạm mà người bị yêu cầu dẫn độ đã thực hiện làm ảnh hưởng đến quan hệ giữa các nước và kết quả đấu tranh phòng, chống tội phạm. Nhằm tránh tình trạng tùy tiện trong việc xác định tội phạm mà người bị yêu cầu dẫn độ là tội phạm chính trị, tội phạm liên quan đến chính trị để từ chối dẫn độ, các ĐUQT về dẫn độ thường quy định, các Bên ký kết không được coi các tội ám sát Nguyên thủ quốc gia và

¹⁶ Tháng 10/2006, Tòa Thượng thẩm Seoul-Hàn Quốc cũng đã từ chối dẫn độ Nguyễn Hữu Chánh (tự xưng là Thủ tướng Việt Nam tự do ở hải ngoại) cho Việt Nam với lý do tương tự, mặc dù hai nước Việt Nam và Hàn Quốc đã ký Hiệp định dẫn độ ngày 15/9/2003 và có hiệu lực vào ngày 29/4/2005, và trong hơn một năm thực thi Hiệp định dẫn độ, Việt Nam đã bắt và trao cho Hàn Quốc hơn 10 tên tội phạm nguy hiểm.

thành viên trong gia đình họ, tội ác chống lại nhân loại, tội khủng bố và tội phạm chiến tranh là tội phạm chính trị hoặc tội phạm liên quan đến chính trị. Quy định này thể hiện rõ trong Công ước của châu Âu về dẫn độ ngày 13/12/1957. Điều 3 khoản 3 Công ước này quy định: “*Nhằm mục đích áp dụng Công ước này, hành vi tước đoạt tính mạng nguyên thủ quốc gia hoặc thành viên gia đình nguyên thủ quốc gia vì bất kỳ lý do gì cũng không được coi là tội phạm chính trị*”; Công ước ASEAN về Chống khủng bố năm 2007 cũng có quy định tương tự, “*Nhằm mục đích dẫn độ theo Điều XIII và tương trợ tư pháp về hình sự theo Điều XII¹⁷, không một hành vi nào được quy định tại Điều II của Công ước này được coi là tội phạm chính trị, một hành vi tội phạm liên kết với tội phạm chính trị hoặc là một tội phạm bắt nguồn từ động cơ chính trị. Theo đó, một yêu cầu dẫn độ hoặc tương trợ tư pháp về hình sự đối với một trong những hành vi tội phạm đó không thể bị từ chối với lý do duy nhất rằng, tội phạm đó là một tội phạm chính trị hoặc một tội phạm liên kết với tội phạm chính*

trị hoặc là tội phạm bắt nguồn từ các động cơ chính trị” (Điều XIV). Hiệp định dẫn độ giữa Việt Nam và Đại Hàn Dân Quốc năm 2003 cũng quy định, không coi các tội sau đây là tội phạm mang tính chính trị: “*a. Tước đoạt hoặc tước đoạt chưa thành tính mạng hoặc xâm phạm thân thể người đứng đầu nhà nước hay thành viên gia đình của người đó; b. Tội phạm mà các bên có nghĩa vụ thiết lập quyền truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc dẫn độ theo một thỏa thuận quốc tế đa phương mà cả hai bên đều là thành viên*” (điểm a khoản 2 Điều 3). Các Hiệp định dẫn độ giữa Việt Nam với các nước (12 hiệp định) đều quy định nguyên tắc này như: Hiệp định dẫn độ giữa Việt Nam và Ấn Độ năm 2011(khoản 2 Điều 4), Ô-xtrây-li-a năm 2012 (khoản 2 Điều 3), Campuchia (điểm a khoản 1 Điều 3).

2.5. Về các trường hợp có thể bị dẫn độ

Điều 6 Dự thảo quy định các điều kiện cơ bản để xác định trường hợp có thể dẫn độ, bao gồm mức hình phạt tối thiểu, nguyên tắc tội phạm kép và phạm vi lãnh thổ của hành vi

17) Điều II của Công ước quy định các hành vi được quy định trong các Công ước sau đây:

- Công ước về trừng trị việc chiếm giữ bất hợp pháp tàu bay, ký tại La Haye ngày 16/12/1970;
- Công ước về trừng trị những hành vi bất hợp pháp chống lại an toàn hoạt động hàng không dân dụng, ký tại Montréal ngày 23/9/1971;
- Công ước về ngăn ngừa và trừng trị các tội phạm chống lại những người được hưởng bảo hộ quốc tế, bao gồm viên chức ngoại giao ký tại New-York ngày 14/12/1973;
- Công ước quốc tế về chống bắt cóc con tin ký tại New-York ngày 17/12/1979;
- Công ước về bảo vệ an toàn vật liệu hạt nhân, ký tại Viên và New-York từ ngày 26/10/1979;
- Nghị định thư về trừng trị các hành vi bạo lực bất hợp pháp tại các cảng hàng không phục vụ hàng không dân dụng quốc tế bổ sung Công ước Montréal ngày 23/9/1971 ký tại Montréal ngày 24/02/1988;
- Công ước Rome 1988 về trừng trị các hành vi bất hợp pháp chống lại hoạt động hàng hải, ký tại Rome ngày 10/3/1988;
- Nghị định thư về trừng trị các hành vi bất hợp pháp chống lại an toàn của những công trình cố định trên thềm lục địa, ký tại Rome ngày 10/3/1988;
- Công ước về trừng trị việc khủng bố bằng bom, ký tại New-York từ ngày 15/12/1997;
- Công ước quốc tế về trừng trị việc tài trợ cho hành động khủng bố ngày 09/12/1999;
- Công ước quốc tế về trừng trị các hành vi khủng bố hạt nhân, được thông qua tại New York ngày 13/4/2005;
- Nghị định thư sửa đổi Công ước về bảo vệ nguyên liệu hạt nhân, được thông qua tại Vienna ngày 08/7/2005;
- Nghị định thư năm 2005 của Công ước về trừng trị các hành vi bất hợp pháp chống lại an toàn hàng hải, được thông qua tại London ngày 14/10/2005; và
- Nghị định thư năm 2005 trừng trị các hành vi bất hợp pháp chống lại an toàn của các công trình cố định trên thềm lục địa, thông qua tại London ngày 14/10/2005.

phạm tội. Quy định này bảo đảm hài hòa giữa chủ quyền quốc gia và hợp tác quốc tế trong đấu tranh chống tội phạm, một đặc trưng nổi bật của pháp luật dẫn độ hiện đại. Khoản 1 của Điều 6 nêu rõ, người có thể bị dẫn độ là người phạm tội có mức hình phạt tù từ một năm trở lên, hoặc thời hạn chấp hành án còn lại ít nhất sáu tháng. Quy định này phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế phổ biến. Cụ thể, Điều 2 Công ước châu Âu về dẫn độ năm 1957¹⁸ quy định, tội phạm có thể dẫn độ phải có hình phạt tối thiểu một năm tù; Điều 2 Hiệp định mẫu của Liên hợp quốc về dẫn độ năm 1990¹⁹ cũng xác định ngưỡng một năm tù là điều kiện cơ bản; các quốc gia như Anh (Extradition Act 2003, s.64) và Hoa Kỳ (18 U.S.C. §3184) cũng áp dụng nguyên tắc tương tự. Điều này bảo đảm rằng, hợp tác dẫn độ chỉ áp dụng với hành vi nghiêm trọng, tránh việc lạm dụng trong các tội phạm nhẹ hoặc vi phạm hành chính, đồng thời duy trì tính tương xứng giữa mức độ tội phạm và hậu quả pháp lý của việc dẫn độ. Khoản 2 và 3 của Điều 6 cụ thể hóa nguyên tắc “double criminality”, tức hành vi phải bị coi là tội phạm theo pháp luật của cả hai quốc gia, nhưng không bắt buộc trùng khớp về tội danh hoặc cấu thành. Cách tiếp cận này thể hiện sự tiến bộ và thực tiễn, phù hợp với Điều 2(1)(a) Hiệp định mẫu của Liên hợp quốc về dẫn độ năm 1990, theo đó “việc khác biệt trong cách gọi hoặc phân loại tội danh không làm ảnh hưởng đến khả năng dẫn độ”; khoản 1 Điều 16 Công ước Liên hợp quốc chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia năm 2000²⁰ cũng khẳng định nguyên tắc này; Luật Dẫn độ Canada (Extradition Act, S.C. 1999, c.18, s.3) và Luật Dẫn độ Úc (Extradition Act 1988, s.19) đều cho phép

dẫn độ khi hành vi là tội phạm “tương đương về bản chất”. Theo chúng tôi, Dự thảo đã tiếp cận linh hoạt, nhằm tăng khả năng hợp tác dẫn độ nhưng vẫn bảo đảm tính độc lập của hệ thống pháp luật hình sự quốc gia. Khoản 4 cho phép dẫn độ người có hành vi phạm tội xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam, nếu hành vi đó cũng bị coi là tội phạm theo pháp luật Việt Nam. Đây là sự mở rộng hợp lý, phù hợp với nguyên tắc tài phán ngoài lãnh thổ (extraterritorial jurisdiction) trong luật quốc tế. Cách tiếp cận này tương thích với Điều 15 Công ước Liên hợp quốc chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia năm 2000; Khoản 2 Điều 44 Công ước Liên hợp quốc chống tham nhũng (UNCAC, 2003²¹), đều khuyến khích mở rộng phạm vi dẫn độ cho hành vi phạm tội có yếu tố nước ngoài; Điều 9 Công ước quốc tế về chống khủng bố tài chính năm 1999²² cũng cho phép dẫn độ khi hành vi phạm tội xảy ra bên ngoài lãnh thổ quốc gia yêu cầu. Với quy định này, Việt Nam sẽ chủ động hơn trong xử lý tội phạm xuyên biên giới, đặc biệt trong các lĩnh vực như tội phạm mạng, rửa tiền, buôn người, và khủng bố quốc tế.

Điều 6 thể hiện sự hài hòa giữa chuẩn mực quốc tế và đặc thù pháp lý Việt Nam, đồng thời đáp ứng yêu cầu của Công ước Liên hợp quốc về tội phạm xuyên quốc gia năm 2000 mà Việt Nam là thành viên. Tuy nhiên, để hoàn thiện hơn, chúng tôi đề xuất bổ sung điều khoản từ chối dẫn độ khi có căn cứ cho rằng, người bị dẫn độ có thể bị tra tấn, tử hình hoặc đối xử vô nhân đạo, tương tự Điều 3 Công ước châu Âu về dẫn độ năm 1957 và Điều 19 Hiến chương của Liên minh châu Âu về quyền cơ bản năm 2000.

¹⁸ Xem: Council of Europe, *European Convention on Extradition* (Paris, 13 December 1957).

¹⁹ Xem: United Nations, *Model Treaty on Extradition*, UN Doc A/RES/45/116 (1990).

²⁰ Xem: United Nations, *Convention against Transnational Organized Crime* (Palermo, 2000).

²¹ Xem: United Nations, *Convention against Corruption* (New York, 2003).

²² Xem: Extradition Act (Canada) S.C. 1999, c.18.

2.6. Về hình phạt tử hình

Điều 13 Dự thảo đã quy định khá đầy đủ, chặt chẽ về việc đưa ra thông báo hoặc cam kết liên quan đến hình phạt tử hình. Điều này phản ánh xu hướng quốc tế trong việc hạn chế dẫn độ khi người bị yêu cầu dẫn độ có nguy cơ bị áp dụng hình phạt tử hình. Đây là một điểm mới, tiến bộ, phù hợp với xu thế bảo vệ quyền con người trên thế giới hiện nay.

Từ chối dẫn độ trong trường hợp người bị yêu cầu dẫn độ đã bị kết án tử hình hoặc có thể bị kết án tử hình là căn cứ được quy định phổ biến trong các ĐUQT về dẫn độ được ký kết giữa các nước không có hình phạt tử hình hoặc không còn thi hành hình phạt tử hình trên thực tế như các nước ở châu Âu, Canada, Ô-xtrây-li-a và các nước ở Nam Mỹ. Điển hình là Công ước của châu Âu về dẫn độ năm 1957 (Điều 11); Quyết định khung về lệnh bắt châu Âu và thủ tục chuyển giao giữa các nước thành viên năm 2002 (Lời nói đầu); Hiệp ước dẫn độ giữa Vương quốc Bỉ và Mỹ năm 1987 (Điều 6 quy định về điều khoản nhân đạo); Hiệp ước dẫn độ giữa Canada và Mỹ năm 1971 (Điều 6); Hiệp ước dẫn độ giữa Canada và Italia năm 1981 (Điều 3. Bắt buộc từ chối dẫn độ); Hiệp ước dẫn độ giữa Pháp và Canada năm 1988 (Điều 3. Hình phạt tử hình); Hiệp định dẫn độ giữa Pháp và Ấn Độ năm 2003 (Điều 8)... Dựa vào căn cứ này, Bên được yêu cầu sẽ từ chối dẫn độ cho Bên yêu cầu nếu người bị yêu cầu dẫn độ đã bị kết án tử hình hoặc có khả năng bị kết án tử hình tại nước yêu cầu trừ khi nước này cam kết sẽ không kết án tử hình hoặc không thi hành hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ.

Trong thực tế, các HĐTTTP mà Việt Nam đã ký với các nước Bê-la-rút-xia năm 2000 (Điều 70), U-crai-na năm 2000 (Điều 51), văn

bản ký tại Mát-xcơ-va ngày 23/7/2003 về việc bổ sung cơ sở để từ chối dẫn độ theo HĐTTTP giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên bang Nga năm 1998 và các Hiệp định dẫn độ giữa Việt Nam với Ô-xtrây-li-a (điểm d khoản 1 Điều 3), Hungary (Điều 5), Indonesia (điểm f Điều 3) cũng có quy định tương tự.

Pháp luật dẫn độ của các nước trên thế giới như Nhật Bản, Mêhicô, Ô-xtrây-li-a, New Zealand, Canada và hầu hết các nước thành viên châu Âu đều quy định sẽ từ chối dẫn độ nếu tội phạm mà người bị yêu cầu dẫn độ đã thực hiện theo luật hình sự của nước yêu cầu có khung hình phạt cao nhất là tử hình và người bị yêu cầu dẫn độ có thể bị kết án tử hình nếu nước yêu cầu không cam kết không áp dụng hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ.

Trong pháp luật quốc tế về quyền con người, ngày 15/12/1989, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã thông qua Nghị định thư không bắt buộc thứ hai của Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 về việc bãi bỏ hình phạt tử hình. Lời nói đầu của Nghị định thư đã kêu gọi các quốc gia “*bãi bỏ hình phạt tử hình ngay khi có điều kiện cho phép thực hiện việc đó*”. Đồng thời, Điều 1 Nghị định thư cũng quy định: “*Không một người nào thuộc phạm vi quyền tài phán của một quốc gia thành viên Nghị định thư này bị hành quyết. Mỗi quốc gia thành viên của Nghị định thư sẽ tiến hành tất cả những biện pháp cần thiết để bãi bỏ hình phạt tử hình trong phạm vi quyền tài phán của mình*”.

Xuất phát từ mục đích xóa bỏ án tử hình, Liên hợp quốc và Liên minh châu Âu đã vận động các nước đã xóa bỏ hình phạt tử hình, không dẫn độ cho các nước mà người bị dẫn độ có thể bị kết án hoặc bị thi hành hình phạt tử hình. Cụ thể, Nghị quyết số 2005/59 ngày 20/4/2005, Ủy ban Nhân quyền của Liên

hợp quốc đã đề nghị các quốc gia, khi nhận được yêu cầu dẫn độ liên quan đến một cáo buộc có thể bị kết án tử hình cần kiên định giữ quyền từ chối dẫn độ trong trường hợp không thể chắc chắn là người bị dẫn độ sẽ không bị kết án tử hình khi được đưa trở về nước yêu cầu dẫn độ, đồng thời kêu gọi các quốc gia có liên quan cần quy định các bảo đảm hiệu quả trong vấn đề này và cần tôn trọng các quy định đó²³.

3. Kết luận

Chương I Dự thảo Luật Dẫn độ giữ vai trò nền tảng, xác lập khung pháp lý chung cho toàn bộ đạo luật, đồng thời phản ánh rõ nét tư duy pháp điển hóa và định hướng hội nhập quốc tế của Việt Nam trong lĩnh vực hợp tác tư pháp hình sự. Những quy định trong Chương này đã tiệm cận với chuẩn mực quốc tế, kế thừa và khắc phục khoảng trống của

Luật TTTP. Do vậy, Chương I Dự thảo không chỉ có ý nghĩa pháp lý, là cơ sở giải thích và áp dụng toàn bộ Luật Dẫn độ mà còn mang ý nghĩa chính trị, ngoại giao và nhân quyền, góp phần thực hiện chính sách đối ngoại, hợp tác quốc tế về dẫn độ linh hoạt, hiệu quả; bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia phù hợp với pháp luật và thông lệ quốc tế, pháp luật nước ngoài cũng như Hiến pháp, pháp luật Việt Nam; nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trong lĩnh vực hợp tác quốc tế về dẫn độ. Tuy nhiên, Dự thảo sẽ hoàn thiện hơn nếu tiếp tục nghiên cứu, chỉnh sửa, bổ sung các quy định về: (i) Phạm vi điều chỉnh; (ii) Đối tượng áp dụng; (iii) Giải thích từ ngữ; (iv) Nguyên tắc dẫn độ; (v) Các trường hợp có thể bị dẫn độ và hình phạt tử hình nhằm bảo đảm tính khoa học, logic, thống nhất, hiệu lực, hiệu quả thi hành của đạo luật quan trọng này■

²³ Hội Luật gia Việt Nam (2008), *Hình phạt tử hình trong Luật Quốc tế - Death penalty in the international law*, sách tham khảo, Nxb. Hồng Đức, tr. 90-91.

XÂY DỰNG NỀN QUẢN TRỊ QUỐC GIA... (tiếp theo trang 18)

Vì vậy, Quốc hội cần xây dựng Hệ thống dữ liệu mở về chất vấn (Open Questioning Portal), công bố toàn văn câu hỏi, câu trả lời, biên bản nghị quyết và tiến độ thực hiện theo từng mốc thời gian. Người dân có thể truy cập để theo dõi, đối chiếu và gửi phản hồi. Mô hình tương tự đã được Quốc hội Hàn Quốc và Vương quốc Anh triển khai thành công, góp phần nâng cao tính minh bạch và củng cố niềm tin xã hội.

Song song với đó, nên thiết lập cơ chế phản hồi công dân sau chất vấn. Mỗi chủ đề chất vấn cần có kênh tiếp nhận góp ý của cử tri, đồng thời Văn phòng Quốc hội tổng hợp và công bố định kỳ báo cáo “ý kiến nhân dân về hoạt động chất vấn”. Đây

là cách để mở rộng dân chủ nghị trường, đồng thời tạo áp lực xã hội tích cực buộc cơ quan hành pháp thực thi cam kết một cách nghiêm túc.

Cuối cùng, cần coi truyền thông đại chúng và báo chí là đối tác chiến lược trong lan tỏa kết quả chất vấn. Các cơ quan truyền thông không chỉ đưa tin, mà nên được tạo điều kiện tham dự, phân tích và phản biện chính sách một cách có trách nhiệm. Việc phát triển các chương trình chuyên đề hậu chất vấn, các bản tin dữ liệu tương tác sẽ góp phần biến hoạt động nghị trường thành một không gian học thuật - chính trị mở, đúng với tinh thần minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quản trị hiện đại■